

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144 /QĐ- ĐHKTCN

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

Họ và tên:.....Ngày sinh:.....

Lớp: .....Khoa:.....Khóa:.....

MSSV:..... Học kỳ: ..... Năm học: 201... - 201...

| TT          | NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ                                                                                                                                                             | Điểm       | Điểm do SV tự đánh giá | Điểm do lớp đánh giá | Điểm do HĐ khoa đánh giá |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|----------------------|--------------------------|
| <b>I.</b>   | <b>ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA HỌC TẬP</b> (Khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm)                                                                                                 |            |                        |                      |                          |
|             | <b>Phần cộng điểm</b>                                                                                                                                                         |            |                        |                      |                          |
| <b>1.</b>   | <b>Điểm thưởng về học tập:</b>                                                                                                                                                |            |                        |                      |                          |
| 1.1         | Có điểm TBCHT $\geq 3.2$                                                                                                                                                      | 10         |                        |                      |                          |
| 1.2         | Có điểm TBCHT từ 2.5 đến 3.19                                                                                                                                                 | 8          |                        |                      |                          |
| 1.3         | Có điểm TBCHT từ 2.25 đến 2.49                                                                                                                                                | 6          |                        |                      |                          |
| 1.4         | Có điểm TBCHT từ 2.0 đến 2.24                                                                                                                                                 | 4          |                        |                      |                          |
| <b>2</b>    | <b>Tham gia hoạt động tại mục III-2, III-4 Đề án số 99 /ĐA-ĐHKTCN, ngày 09 /9/2019</b>                                                                                        |            |                        |                      |                          |
| 2.1         | Đạt $\geq 90$ điểm                                                                                                                                                            | 10         |                        |                      |                          |
| 2.2         | Đạt $\geq 75$ đến cận dưới 90 điểm                                                                                                                                            | 7          |                        |                      |                          |
| 2.3         | Đạt $\geq 50$ đến cận dưới 75 điểm                                                                                                                                            | 5          |                        |                      |                          |
| <b>3.</b>   | <b>Thực hiện nội quy, quy chế học tập:</b>                                                                                                                                    |            |                        |                      |                          |
| 3.1         | Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra, tất cả các môn thi đạt từ điểm D trở lên                                                                                                 | 5          |                        |                      |                          |
| 3.2         | Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt $\geq 95\%$                                                                                                                             | 4          |                        |                      |                          |
| 3.3         | Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt $\geq 90\%$ đến cận dưới 95%                                                                                                            | 3          |                        |                      |                          |
| 3.4         | Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt $\geq 85\%$ đến cận dưới 90%                                                                                                            | 2          |                        |                      |                          |
| 3.5         | Tỷ lệ tham gia lớp học trung bình đạt $\geq 80\%$ đến cận dưới 85%                                                                                                            | 1          |                        |                      |                          |
| 3.6         | Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập                                                                                                                        | 1- 2       |                        |                      |                          |
|             | <b>Phần trừ điểm</b>                                                                                                                                                          |            |                        |                      |                          |
| 4.          | Tỷ lệ tham gia lớp học dưới 80% (cứ giảm 5% trừ thêm 1 điểm); nếu dưới 50% trừ 10 điểm                                                                                        | -1÷10      |                        |                      |                          |
| 5.          | Vi phạm quy chế thi và kiểm tra (trừ theo mức độ vi phạm: Khiển trách trừ điểm 5 điểm; Cảnh cáo trừ 10 điểm; Đình chỉ trừ 20 điểm)                                            | -5÷20      |                        |                      |                          |
| <b>II.</b>  | <b>ĐÁNH GIÁ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ TRONG NHÀ TRƯỜNG:</b><br>(Khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm)                                                          |            |                        |                      |                          |
|             | <b>Phần cộng điểm</b>                                                                                                                                                         |            |                        |                      |                          |
| 1.          | Có ý thức chấp hành tốt các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên triển khai trong trường                                                                   | 5          |                        |                      |                          |
| 2.          | Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định của trường                                                                                                              |            |                        |                      |                          |
| 2.1         | Không vi phạm quy chế, nội quy và các quy định của trường                                                                                                                     | 5          |                        |                      |                          |
| 2.2         | Sinh viên thực hiện tốt quy định nội/ngoại trú                                                                                                                                | 5          |                        |                      |                          |
| 2.3         | Đóng học phí và các khoản lệ phí đúng quy định                                                                                                                                | 5          |                        |                      |                          |
| 2.4         | Được Nhà trường, các đoàn thể khen thưởng hoặc Khoa (bộ môn) biểu dương                                                                                                       | 5          |                        |                      |                          |
|             | <b>Phần trừ điểm</b>                                                                                                                                                          |            |                        |                      |                          |
| 3.          | Không tham gia Bảo hiểm Y tế                                                                                                                                                  | -20        |                        |                      |                          |
| 4.          | Vi phạm quy định đóng học phí và các loại phí khác theo quy định                                                                                                              | - 5        |                        |                      |                          |
| 5.          | Bị kỷ luật mức cảnh cáo                                                                                                                                                       | - 20       |                        |                      |                          |
| 6.          | Bị kỷ luật khiển trách                                                                                                                                                        | - 10       |                        |                      |                          |
| 7.          | Vi phạm quy định nội, ngoại trú (Vi phạm từ 3 lần nội quy KTX, đăng ký ở nội trú nhưng không ở, không đăng ký tạm trú tạm vắng khi ngoại trú)                                 | -20        |                        |                      |                          |
| 8.          | Không tham gia các hoạt động khảo sát khi Nhà trường triển khai                                                                                                               | -5/<br>lần |                        |                      |                          |
| 9           | Vi phạm các nội quy liên quan đến giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm ... đến mức bị lập biên bản xử lý                                                                   | -10        |                        |                      |                          |
| <b>III.</b> | <b>ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ- XÃ HỘI, VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI:</b> (Khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm) |            |                        |                      |                          |
|             | <b>Phần cộng điểm</b>                                                                                                                                                         |            |                        |                      |                          |

|                       |                                                                                                                                                                                                                  |            |  |  |  |
|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|--|
| 1.                    | Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt lớp, hoạt động tập thể của Lớp, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên (Tính tỷ lệ theo điểm hoạt động ngoại khóa do ĐTN, HSV tổ chức)                           | 1÷10       |  |  |  |
| 2.                    | <b>Tham gia hoạt động tại mục III-3, III-5 Đề án số 99 /ĐA-ĐHKTCN, ngày 09 /9/2019</b>                                                                                                                           |            |  |  |  |
| 2.1                   | Đạt ≥ 90 điểm                                                                                                                                                                                                    | 10         |  |  |  |
| 2.2                   | Đạt ≥ 75 đến cận dưới 90 điểm                                                                                                                                                                                    | 7          |  |  |  |
| 2.3                   | Đạt ≥ 50 đến cận dưới 75 điểm                                                                                                                                                                                    | 5          |  |  |  |
| <b>Phản trừ điểm</b>  |                                                                                                                                                                                                                  |            |  |  |  |
| 3.                    | Bỏ sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt Hội sinh viên theo kế hoạch (không có lý do chính đáng)                                                                                                              | -2/lần họp |  |  |  |
| 4.                    | Không tham các hoạt động do khoa điều động (có danh sách cụ thể)                                                                                                                                                 | -20        |  |  |  |
| 5.                    | Sinh viên không hoàn thành chương trình tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, cuối khóa, đầu năm học                                                                                                                 | -10        |  |  |  |
| 6.                    | Gian lận trong việc triển khai, báo cáo, đánh giá, tổng hợp các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học trừ.                                                                                             | -20        |  |  |  |
| IV.                   | <b>ĐÁNH GIÁ VỀ PHẨM CHẤT CÔNG DÂN VÀ QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG: (Khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm)</b>                                                                                                               |            |  |  |  |
| <b>Phản cộng điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                  |            |  |  |  |
| 1.                    | Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng                                                                                               | 5          |  |  |  |
| 2.                    | <b>Tham gia hoạt động tại mục III-1 Đề án số 99 /ĐA-ĐHKTCN, ngày 09 /9/2019</b>                                                                                                                                  |            |  |  |  |
| 2.1                   | Đạt ≥ 90 điểm                                                                                                                                                                                                    | 10         |  |  |  |
| 2.2                   | Đạt ≥ 75 đến cận dưới 90 điểm                                                                                                                                                                                    | 7          |  |  |  |
| 2.3                   | Đạt ≥ 50 đến cận dưới 75 điểm                                                                                                                                                                                    | 5          |  |  |  |
| 3.                    | Tham gia công tác tình nguyện, chung sức vì cộng đồng, có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn (Tùy mức độ tham gia, có minh chứng cụ thể)                                         | 1÷10       |  |  |  |
| 4.                    | Giữ gìn đoàn kết nội bộ, quan hệ tốt với bạn bè, tập thể nơi cư trú                                                                                                                                              | 5          |  |  |  |
| <b>Phản trừ điểm</b>  |                                                                                                                                                                                                                  |            |  |  |  |
| 5.                    | Vi phạm pháp luật (chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự), thiếu ý thức tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, không chấp hành đầy đủ chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước                         | -20        |  |  |  |
| 6.                    | Gây mất đoàn kết trong lớp, trong trường, trong KTX, địa bàn nơi cư trú                                                                                                                                          | -5/lần     |  |  |  |
| V.                    | <b>ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA PHỤ TRÁCH LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC TRONG NHÀ TRƯỜNG, HOẶC ĐẠT ĐƯỢC THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT TRONG HỌC TẬP, RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN (Khung điểm đánh giá từ 0-10 điểm)</b> |            |  |  |  |
| <b>Phản cộng điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                  |            |  |  |  |
| 1.                    | Cấp ủy chỉ bộ Đảng sinh viên, ban cán sự lớp, Ban chấp hành Đoàn, Hội SV từ cấp chi đoàn, chi hội trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có uy tín và hiệu quả trong công việc được phân công                          | 5          |  |  |  |
| 2.                    | Cấp ủy chỉ bộ Đảng sinh viên, Ban cán sự lớp, Ban chấp hành Đoàn, Hội SV từ cấp chi đoàn, chi hội trở lên; khi tập thể tham gia, phụ trách được cấp trên khen thưởng                                             | 3          |  |  |  |
| 3.                    | <b>Tham gia hoạt động theo Đề án số 99 /ĐA-ĐHKTCN, ngày 09 /9/2019 (tính theo tổng điểm các chương trình)</b>                                                                                                    |            |  |  |  |
| 3.1                   | Đạt ≥ 90 điểm                                                                                                                                                                                                    | 10         |  |  |  |
| 3.2                   | Đạt ≥ 75 đến cận dưới 90 điểm                                                                                                                                                                                    | 7          |  |  |  |
| 3.3                   | Đạt ≥ 50 đến cận dưới 75 điểm                                                                                                                                                                                    | 5          |  |  |  |
| <b>Phản trừ điểm</b>  |                                                                                                                                                                                                                  |            |  |  |  |
| 5.                    | Không tổ chức thực hiện sinh hoạt tập thể theo kế hoạch của khoa, trường, Đoàn thanh niên, hội sinh viên cấp trên                                                                                                | -5/lần     |  |  |  |
| 6.                    | Gian lận trong việc triển khai, báo cáo, đánh giá, tổng hợp các hoạt động của tập thể, hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sinh viên tự học trừ 10 điểm                                                               | -10        |  |  |  |
| <b>TỔNG CỘNG:</b>     |                                                                                                                                                                                                                  |            |  |  |  |

**Ghi chú:** Trong mỗi mục (I,II, III, IV, V) có khung điểm đánh giá, nếu điểm cộng hoặc trừ vượt quá khung thì lấy giá trị tối đa hoặc tối thiểu.

Điểm kết luận của Hội đồng đánh giá cấp Khoa:.....Bằng chữ:.....

**CHỦ NHIỆM LỚP**  
(Ký, ghi họ tên)

**LỚP TRƯỞNG**  
(Ký, ghi họ tên)

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

**SINH VIÊN TỰ ĐÁNH GIÁ**  
(Ký, ghi họ tên)